

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ: “bốc xếp xi măng; nhân công thực hiện gom vét hầm hàng phương tiện thủy và các nội dung công việc khác”

Gói thầu số: 03/ĐTRR/CN/VT/2026

Phát hành ngày:/2026

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Uyên Phương

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu: Chi nhánh Phía Nam – Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, áp dụng Quy chế mua sắm thường xuyên (QC MSTX) của Bên mời thầu (Nhà thầu quan tâm có thể nhận bản copy QC MSTX để nghiên cứu đề xuất/dự thầu) mời nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ: “bóc xếp xi măng; nhân công thực hiện gom vệt hầm hàng phương tiện thủy và các nội dung công việc khác”.

- Số lượng và số hiệu các hạng mục thuộc gói thầu như sau: Gói thầu không phân chia làm nhiều phần.

2. Nguồn vốn: Vốn Sản xuất kinh doanh.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 390 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong đó: tiến độ thực hiện dịch vụ là 365 ngày, cộng thêm 25 ngày nghiệm thu, bàn giao.

Mục 2. Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu

Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 72 QC MSTX.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước mà Nhà thầu hoạt động cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế này;

- Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Hồ sơ mời thầu (HSMT)

1. Làm rõ HSMT

Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước thời điểm đóng thầu. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT;

- Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến sửa đổi cơ bản HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, Bên mời thầu phải gửi những nội dung sửa đổi HSMT đến các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT không muộn hơn: 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSMT, Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSMT.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
3. HSDT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu ủy quyền);
3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu (nếu liên danh);
4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04b Chương III – Biểu mẫu;
5. Bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 5 Chương III – Biểu mẫu;
6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
7. Các nội dung khác: *tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm, báo cáo tài chính, giấy phép đăng ký kinh doanh...*

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSMT.
2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSMT với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là: **40** ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức: thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu:

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **100.000.000 đồng** (Một trăm triệu đồng).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 70 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Trong trường hợp gia hạn thời gian hiệu lực của HSDT sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSDT sẽ không còn giá trị và bị loại; Bên mời thầu phải hoàn trả và giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.

5. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSMT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

6. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSMT nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX.

7. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a. Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b. Nhà thầu vi phạm nội dung tại QC MSTX;

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định

tại Điều 70 của QC MSTX;

d. Nhà thầu không đến thương thảo theo yêu cầu bên mời thầu (*trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Bên mời thầu chấp nhận*); không tiến hành hoặc từ chối thực hiện hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 10. Quy cách HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDT của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là **10 giờ 00’ ngày tháng năm 2026**.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT khi HSDT được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu thì HSDT bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDT thì nhà thầu nộp HSDT thay thế hoặc HSDT sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc **10 giờ 30’ ngày tháng năm 2026** tại Phòng họp BMT trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà

thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày mở thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.

3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.

Mục 14. Đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

2. Nhà thầu được xếp hạng nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

a. Báo cáo đánh giá HSDT.

b. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu.

c. HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT.

4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

a. Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào.

b. Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ

sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong HSDT chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc đơn giá thỏa thuận nhưng bảo đảm thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong giá gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt giá gói thầu.

5. Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của Nhà thầu nêu trong HSMT có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án thay thế.

c. Thương thảo về nhân sự:

Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

d. Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

e. Thương thảo về giảm giá (nếu có).

f. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

7. Trường hợp thương thảo không thành công (không phải do việc thương thảo về giảm giá quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều này), bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của QC MSTX.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng hệ thống mạng đấu thầu Viettel.
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSMT thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, bên mời thầu sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.
3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 18. Thay đổi khối lượng

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMT và HSDT.

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Là việc Nhà thầu thực hiện bằng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu. Giá trị và nội dung bảo đảm theo quy định tại Chương V – Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSMT này.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia đấu thầu rộng rãi khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 71 QC MSTX.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu: Ông Dương Thanh Bình – Phòng Vật tư - Điều độ, Chi nhánh Phía Nam; SĐT: 0969668509;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Lê Quang Uyên Phương – Giám đốc Chi nhánh Phía Nam, điện thoại 0968225577;

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc: Bà Trịnh Thị Ngọc Linh – Phòng Vật tư - Điều độ, Chi nhánh Phía Nam; SĐT: 0906812832.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐT

HSĐT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là hợp lệ)	Hợp lệ/ Không hợp lệ
1	Bản gốc HSĐT	01 bản gốc	
2	Đơn dự thầu	Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.	
		Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 390 ngày (Tiến độ thực hiện dịch vụ là 365 ngày).	
		Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, có định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.	
3	Hiệu lực của HSĐT	Thời gian có hiệu lực của HSĐT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu	
4	Bảo đảm dự thầu	Nhà thầu mở bảo đảm dự thầu đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐT	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	
6	Thỏa thuận liên danh	Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu.	
7	Tư cách hợp lệ	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	

Nhà thầu có HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu có HSĐT được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật khi được đánh giá là “đạt” đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	- Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	Thành lập trước năm 01/01/2024 được thể hiện trong GPĐKKD.

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1.2	- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự.	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 3 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): (i) Số lượng các hợp đồng: tối thiểu 01 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu 3.282.000.000 VND. (Nhà thầu cung cấp bản sao của hợp đồng và các hóa đơn bán hàng để chứng minh; Đối với Nhà thầu liên danh, số lượng các hợp đồng chứng minh năng lực kinh nghiệm được tính bằng tổng số lượng hợp đồng hợp lệ của các thành viên liên danh).
2	Năng lực tài chính:	
2.1	- Doanh thu	- Doanh thu năm 2024 tối thiểu là 9.850.000.000 VND. (Trong trường hợp liên danh, doanh thu của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu của các thành viên trong liên danh có tài liệu chứng minh năng lực tài chính hợp lệ).
2.2	- Lợi nhuận trước thuế	- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 tối thiểu là ≥ 0 VND. (Trong trường hợp liên danh, ít nhất thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng mời thầu).
2.3	Tài liệu gửi kèm nhằm đối chứng với các số liệu tài chính mà Nhà thầu kê khai.	Là Bản gốc hoặc bản sao Báo cáo tài chính năm 2024 và phải đáp ứng được một trong những mời thầu sau: <ul style="list-style-type: none">- Có bản kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.- Đã được kiểm toán.- Có xác nhận nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế.- Có tờ khai tự quyết toán thuế (Thuế GTGT và thuế TNDN) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai.- Có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số thuế nộp cả năm) về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. (Trường hợp nộp thuế qua mạng yêu cầu in xác nhận và nộp: Thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, bản thuyết minh liên quan đến báo cáo tài chính năm 2024).
2.4	Điều kiện thanh toán	Đồng ý với điều kiện thanh toán hoặc điều kiện thanh toán khác nhưng phải có lợi hơn điều kiện thanh toán nêu tại chương V của HSMT này.

Ghi chú:

(1) Ghi số năm phù hợp với số năm yêu cầu.

(2) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 1 đến 3 hợp đồng tương tự.

Hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ là hợp đồng trong đó hàng hóa/dịch vụ được cung cấp tương tự với hàng hóa/dịch vụ của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa/dịch vụ của gói thầu đang xét (cụ thể gói thầu này, tương tự về chủng loại và tính chất là: **“có nội dung liên quan đến bốc xếp xi măng đường bộ và đường thủy”**;

- Tương tự về quy mô: có giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của gói thầu đang xét.

Trường hợp trong HSYC/HSMT yêu cầu nhà thầu đã thực hiện từ hai hợp đồng tương tự trở lên thì nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu một hợp đồng với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét. Quy mô của các hợp đồng tương tự tiếp theo được xác định bằng cách cộng các hợp đồng có quy mô nhỏ hơn nhưng phải bảo đảm các hợp đồng đó có tính chất tương tự với các hạng mục cơ bản của gói thầu đang xét.

Đối với các gói thầu có tính chất đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng trong khoảng 50% đến 70% giá trị của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu bảo đảm có hợp đồng sản xuất hàng hóa tương tự về chủng loại và tính chất với hàng hóa của gói thầu.

(3) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(4) Ghi số năm phù hợp với số năm yêu cầu.

(5) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu năm = Giá gói thầu x k.

Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1,5.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu lợi nhuận trước thuế:

Lợi nhuận trước thuế năm ≥ 0 VND.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các nội dung đánh giá dưới đây đều được đánh giá là “đạt”. HSDT được đánh giá đạt về kỹ thuật sẽ được đánh giá tiếp về giá

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tiến độ và địa điểm cung cấp	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về “Tiến độ và địa điểm cung cấp” đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 2, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về “Tiến độ và địa điểm cung cấp” không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 2, chương IV của HSMT.
2	Yêu cầu về kỹ thuật	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong E-HSDT về “yêu cầu kỹ thuật” đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 3, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về “yêu cầu kỹ thuật” không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 3, chương IV của HSMT.
3	Yêu cầu về công tác an toàn lao động	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong E-HSDT về “Yêu cầu về công tác an toàn lao động” đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về “Yêu cầu về công tác an toàn lao động” không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 4, chương IV của HSMT.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định về sửa lỗi ghi dưới đây);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch ghi dưới đây);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. So sánh giữa các HSDT để xác định giá thấp nhất (*HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất*).

Ghi chú:

1. Sửa lỗi: là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSMT có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số lượng trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc về đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

2. Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình

thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong HSDT/HSMT thì bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu.

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có HSDT được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

3. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDT đó sẽ bị loại.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời dự thầu]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế mua sắm thường xuyên của Quý Công ty;
5. Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMT.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSMT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với bên mời thầu nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ Quy chế mua sắm thường xuyên của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

[- *Ký đơn dự thầu;*

- *Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT;*

- *Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU SỐ: ___ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___ [Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [Ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [Ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên

thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

1	2	3	4	5	6	7
TT	Tên dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Bóc xếp xi măng từ băng tải xuống xe	Tấn	620.000			M1
2	Bóc xếp xi măng từ băng tải xuống phương tiện vận tải thủy (Tàu/Sà lan/Ghe)	Tấn	4.420			M2
3	Bóc xếp xi măng từ băng tải xuống Vỡng trên phương tiện vận tải thủy (Tàu/Sà lan/Ghe)	Tấn	78.000			M3
4	Bóc xếp xi măng từ băng tải xuống Pallet trên phương tiện vận tải đường bộ	Tấn	28.600			M4
5	Nhân công thực hiện gom vét hầm hàng Phương tiện thủy	Tấn	1.050.000			M5
6	Nhân công làm công nhật ngày thường (Ca 1, ca 2)	Công	650			M6
7	Nhân công làm công nhật ngày thường (Ca 3) và ngày chủ nhật	Công	60			M7
	Tổng cộng					M=M1+M2+...M7
	Thuế GTGT					T = M x T.GTGT
	Tổng cộng giá trị sau thuế					G = M + T

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) ghi phù hợp với quy định tại Chương IV – Phạm vi, yêu cầu

của gói thầu.

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa/dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1: Giới thiệu chung về gói thầu

1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ: “bóc xếp xi măng; nhân công thực hiện gom vệt hầm hàng phương tiện thủy và các nội dung công việc khác”;
- Số hiệu gói thầu: 03/ĐTRR/CN/VT/2026;
- Chủ đầu tư/Bên mời thầu: Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 390 ngày. Trong đó: Tổng tiến độ cung cấp dịch vụ là 365 ngày, cộng thêm 25 ngày tiếp theo nghiệm thu, bàn giao;
- Tên dịch vụ cung cấp: “Cung cấp dịch vụ: “bóc xếp xi măng; nhân công thực hiện gom vệt hầm hàng phương tiện thủy và các nội dung công việc khác””;
- Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Cảng nhập, Cảng xuất và khu vực đóng bao đường bộ Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.
- Khảo sát hiện trường: Nhà thầu nghiên cứu, kiểm tra kỹ các nội dung trong HSMT, tài liệu kèm theo HSMT này (Nội dung và quy mô nạo vét) và các thông tin khác liên quan trước khi thực hiện khảo sát hiện trường. Nhà thầu có nhu cầu khảo sát thực tế tại hiện trường, khảo sát thực tế, đề nghị liên hệ với bên mời thầu để thực hiện khảo sát hiện trường trước thời hạn nộp HSDT.
- Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp dịch vụ là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu số 5 tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp dịch vụ được mô tả theo Bảng dưới đây:

TT	Nội dung dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bóc xếp xi măng từ băng tải xuống xe	- Thực hiện tại 06 vị trí tại khu vực xuất xi măng đường bộ. - Thực hiện 3 ca làm việc/ngày. - Số lượng nhân sự yêu cầu: 13 người/ca.	Tấn	620.000
2	Bóc xếp xi măng từ băng tải xuống phương tiện vận tải thủy (Tàu/Sà lan/Ghe)	- Thực hiện tại 01 vị trí tại Cảng xuất. - Thực hiện 3 ca làm việc/ngày. - Số lượng nhân sự yêu cầu: 04 người/ca.	Tấn	4.420
3	Bóc xếp xi măng từ băng tải xuống Vồng trên phương tiện vận tải thủy (Tàu/Sà lan/Ghe)	- Thực hiện tại 01 vị trí tại Cảng xuất. - Thực hiện 3 ca làm việc/ngày. - Số lượng nhân sự yêu cầu: 05-06 người/ca.	Tấn	78.000
4	Bóc xếp xi măng từ băng tải xuống Pallet trên phương tiện vận tải đường bộ	- Thực hiện tại vị trí tại khu vực xuất xi măng đường bộ. - Thực hiện 3 ca làm việc/ngày. - Số lượng nhân sự yêu cầu: 02 người/vị trí.	Tấn	28.600
5	Nhân công thực hiện gom vệt hầm hàng Phương tiện thủy	Số lượng nhân sự yêu cầu: - Tối thiểu 04 người thực hiện đối với Phương tiện thủy ≤ 3.500 tấn. - Tối thiểu 05 người thực hiện đối với Phương tiện thủy từ 3.500 tấn tới ≤ 6.500 tấn. - Tối thiểu 06 người thực hiện đối với Phương tiện thủy > 6.500 tấn. (Khối lượng được tính theo khối lượng vận chuyển của các Phương tiện thủy (Tàu/Sà lan)	Tấn	1.050.000

TT	Nội dung dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Nhân công làm công nhật ngày thường (Ca 1, ca 2)	Tối thiểu 01 nhân lực/ca làm việc thực hiện: gỡ phễu, vệ sinh Phễu, dọn kho, hỗ trợ vệ sinh cầu, máng xuất xi....	Công	650
7	Nhân công làm công nhật ngày thường (Ca 3) và ngày chủ nhật	Tối thiểu 01 nhân lực/ca làm việc thực hiện: gỡ phễu, vệ sinh Phễu, dọn kho, hỗ trợ vệ sinh cầu, máng xuất xi....	Công	60

Mục 2. Tiến độ và địa điểm cung cấp

Nội dung đề xuất của Nhà thầu đảm bảo đáp ứng các nội dung yêu cầu như sau:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 390 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó:
 - Tiến độ cung cấp dịch vụ: trong vòng 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
 - Nghiệm thu, bàn giao: trong vòng 25 ngày kể từ ngày thực hiện xong dịch vụ.
- Địa điểm thực hiện dịch vụ: Cảng nhập, Cảng xuất và khu vực đóng bao đường bộ Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Yêu cầu về nhân sự

a. Chỉ huy trưởng/đội trưởng: (01 người)

- Là kỹ sư thuộc một trong các ngành: Cơ khí, Xây dựng, Kinh tế xây dựng...
- Có từ thời gian kinh nghiệm ≥ 3 năm.
- Nhà thầu đưa vào HSDT bằng cấp/ tài liệu chứng minh của Chỉ huy trưởng/đội trưởng.

b. Công nhân

Cam kết có tối thiểu: 32 công nhân tham gia thực hiện dịch vụ.

3.2. Sơ đồ tổ chức thi công

- Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường.
- Nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn sẽ được giao cho một số cán bộ chủ chốt tại hiện trường,

Chỉ huy công trường/đội trưởng.

3.3. Chất lượng công việc

Cam kết trong HSDT bao gồm:

- Đảm bảo đủ số lượng công nhân tham gia bóc xếp đường thủy và đường bộ.
- Đảm bảo đủ số lượng công nhân tham gia gom vét hầm hàng Phương tiện thủy và công nhân thường trực thực hiện: “gỡ phễu, vệ sinh Phễu, dọn kho, hỗ trợ vệ sinh cầu, máng xuất xi....”
- Làm việc 3 ca theo đúng thời gian làm việc của Nhà máy.
- Đảm bảo tiến độ, chất lượng công việc được giao.
- Huấn luyện an toàn cho người lao động trước khi vào làm việc.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, dụng cụ lao động và thẻ ra vào nhà máy cho người lao động.
- Tỷ lệ rách vỡ cho phép trong quá trình bóc xếp xi măng: 0,15%.

- Tỷ lệ hao hụt cho phép trong quá trình thu gom xi măng: 30% so với tỷ lệ rách vỡ cho phép. Lượng rách vỡ còn lại 70%, phải thu gom lại, vận chuyển và giao lại tại chân silô xi măng.
- Lượng xi măng rách vỡ phải được thu hồi về theo từng ca làm việc.
- Đảm bảo xi măng rách vỡ không bị ẩm ướt, đóng rắn và giảm chất lượng.
- Chịu trách nhiệm giữ gìn sạch sẽ, gọn gàng tại các vị trí bốc xếp xi măng bao gồm:
 - + Khu vực máng xếp xe tải: toàn bộ các đường xe tại đáy Silo xi măng.
 - + Khu vực Cảng xuất.
 - + Khu vực Cảng nhập.

4. Yêu cầu về Công tác an toàn và vệ sinh môi trường:

Nội dung đề xuất trong HSĐT của Nhà thầu phải đảm bảo đầy đủ các nội dung sau:

- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn lao động cho người và thiết bị của mình khi vào Nhà máy để làm việc; phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi nội quy, quy chế, quy định có liên quan và công tác kỷ luật lao động, VSLĐ, PCCN của pháp luật cũng như của Bên mời thầu; phải nghiêm chỉnh thực hiện đúng các thao tác, quy trình vận hành và đảm bảo an toàn cho thiết bị của Bên mời thầu;
 - Không được đi lại ngoài phạm vi nơi làm việc; không xâm hại tài sản của Bên mời thầu; Không được tự ý vận hành thiết bị không thuộc phạm vi công việc khi chưa có sự đồng ý, cho phép của Bên mời thầu;
 - Chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc để xảy ra tai nạn lao động do lỗi của người lao động. Trường hợp để xảy ra sự cố thiết bị gây tai nạn thì cả hai bên cùng nhau xem xét cụ thể để giải quyết;
 - Bồi thường mọi thiệt hại (bao gồm cả người và thiết bị) cho Bên mời thầu hoặc Bên thứ 3 nếu lỗi do người của Nhà thầu gây ra.

Mục 4. Bản vẽ: Kèm theo HSMT này.

Mục 5. Kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu:

Cách thức nghiệm thu khối lượng:

- Từng tháng, vào ngày cuối cùng trong Tháng Bên mời thầu cùng nhà thầu sẽ tổ chức nghiệm thu dịch vụ của nhà thầu thực hiện trong tháng để làm cơ sở thanh quyết toán cho nhà thầu.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

1. Phương thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua Ngân hàng.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).
- Thời hạn thanh toán: Từng tháng, Bên mời thầu sẽ thanh toán 100% giá trị quyết toán dịch vụ bằng chuyển khoản thông qua ngân hàng cho Nhà thầu trong vòng 120 ngày kể từ ngày Bên mời thầu nhận được đầy đủ các chứng từ (bản gốc) sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán.
- + Hóa đơn GTGT (hợp lệ).
- + Hồ sơ nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
- + Bảng Tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán theo mẫu của Bên mời thầu.
- + Thanh lý Hợp đồng (đối với đợt nghiệm thu dịch vụ cuối cùng).

2. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 390 ngày (trong đó thời gian cung cấp dịch vụ là 365 ngày, cộng thêm 25 ngày tiếp theo nghiệm thu, bàn giao).

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

- Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:
 - + Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước khi hợp đồng có hiệu lực.
 - + Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.
 - + Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 02% giá hợp đồng.
 - + Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 410 ngày kể từ ngày phát hành.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên mời thầu khi Nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên mời thầu.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ không được hoàn trả mà tự hết giá trị sau khi hết hiệu lực.